VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/MPS

Original Article

# Current Status of Attitude Towards Health Supplement Foods of People Surveyed in Phung Thuong Commune, Phuc Tho District, Hanoi City in 2022

Nguyen Xuan Bach*, Mac Dang Tuan, Can Thi Thu Thuy, Vu Ngoc Ha

*VNU University of Medicine and Pharmacy, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 23rd October 2025
Revised 04th January 2026; Accepted 5th March 2026

**Abstract:** Objective: To describe people's attitudes toward health supplement in Phung Thuong commune, Phuc Tho district, Hanoi city. Methods: A cross-sectional study was conducted on 197 people in Phung Thuong commune, using a convenience sample and collecting data using a self-completed questionnaire on the Google Form platform. Results: There are 19.2%–33.5% of people who agreed with the benefits of health food; 21.0%–58.9% agreed with the necessity; 13.2%–16.7% expressed belief in the value; and 9.7%–20.3% had a consensus attitude about the safety of health food. Conclusion: The study reflects the current status of health food consumption attitudes of people in Phung Thuong commune according to four main aspects: benefits, necessity, belief, and safety of health food.

*Keywords:* Attitude, health supplement, Phung Thuong commune .

* Corresponding author.
*E-mail address:* bachnx.ump@vnu.edu.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4852

# Thực trạng thái độ đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe của người dân được khảo sát tại xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội năm 2022

Nguyễn Xuân Bách*, Mạc Đăng Tuấn, Cấn Thị Thu Thủy, Vũ Ngọc Hà

*Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 23 tháng 10 năm 2025
Chỉnh sửa ngày 04 tháng 01 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 05 tháng 03 năm 2026

**Tóm tắt:** Mục tiêu: mô tả thực trạng thái độ tiêu dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe (TPBVSK) của người dân xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang được tiến hành trên 197 người dân xã Phụng Thượng, chọn mẫu thuận tiện và thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi tự điền trên nền tảng Google Form. Kết quả: Có 19,2%–33,5% người đồng thuận với lợi ích của TPBVSK; 21,0%–58,9% đồng thuận với sự cần thiết; 13,2%–16,7% bày tỏ niềm tin vào giá trị; và 9,7%–20,3% có thái độ đồng thuận về tính an toàn của TPBVSK. Kết luận: Nghiên cứu phản ánh thực trạng thái độ tiêu dùng TPBVSK của người dân xã Phụng Thượng theo bốn khía cạnh chính: lợi ích, sự cần thiết, niềm tin và tính an toàn của TPBVSK.

*Từ khóa:* Thái độ, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, xã Phụng Thượng.

## 1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, nhu cầu sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe (TPBVSK) ngày càng gia tăng tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. TPBVSK được phân loại như một nhóm sản phẩm đặc thù, có tác dụng hỗ trợ, duy trì và cải thiện sức khỏe, đồng thời góp phần dự phòng bệnh tật khi sử dụng hợp lý [1, 2]. Theo báo cáo của Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế), Việt Nam hiện có hàng nghìn sản phẩm TPBVSK đã được cấp phép lưu hành, với tốc độ tăng trưởng thị trường trung bình hằng năm ở mức cao, phản ánh sự quan tâm và nhu cầu ngày càng lớn của cộng đồng [3]. Bên cạnh những lợi ích tiềm năng, việc tiêu dùng TPBVSK cũng đặt ra nhiều thách thức về tính an toàn, hiệu quả, chất lượng sản phẩm cũng như nhận thức và thái độ của người dân trong quá trình lựa chọn và sử dụng [4, 5].

Các nghiên cứu quốc tế và trong nước cho thấy, thái độ tiêu dùng có vai trò quan trọng trong quyết định lựa chọn TPBVSK. Thái độ tích cực thường liên quan đến mức độ tin tưởng vào lợi ích, sự cần thiết, độ an toàn cũng như giá trị sức khỏe mà sản phẩm mang lại [6, 7]. Ngược lại, thái độ thận trọng hoặc tiêu cực thường xuất phát từ lo ngại về chất lượng, tác dụng không mong muốn, hoặc sự thiếu minh bạch trong quảng cáo và thông tin sản phẩm [8]. Ở Việt Nam, mặc dù đã có một số nghiên cứu đề cập đến hành vi tiêu dùng TPBVSK, song các bằng chứng khoa học về thái độ của người dân, đặc biệt tại khu vực nông thôn, còn hạn chế [9]. Điều này dẫn đến khoảng trống thông tin quan trọng trong hoạch định chính sách truyền thông – giáo dục sức khỏe và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực TPBVSK.

Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội là địa bàn ngoại thành với cơ cấu dân

* Tác giả liên hệ.
*Địa chỉ email:* bachnx.ump@vnu.edu.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1132/vnumps.4852

cư chủ yếu làm nông nghiệp và lao động phổ thông, trình độ tiếp cận thông tin y tế không đồng đều và phụ thuộc nhiều vào truyền miệng. Trong những năm gần đây, cùng với sự gia tăng thu nhập và nhu cầu chăm sóc sức khỏe, việc sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe tại địa phương có xu hướng phổ biến nhưng tiềm ẩn nguy cơ sử dụng chưa hợp lý. Do đó, việc khảo sát thái độ của người dân tại xã Phụng Thượng đối với TPBVSK có ý nghĩa trong việc phản ánh thực trạng nhận thức – thái độ của nhóm dân cư ngoại thành Hà Nội. Đây là cơ sở để các nhà quản lý, cơ sở y tế địa phương và các đơn vị liên quan xây dựng các chương trình truyền thông phù hợp, nhằm nâng cao nhận thức, hướng dẫn tiêu dùng an toàn, hợp lý và hiệu quả hơn.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu mô tả thực trạng thái độ tiêu dùng TPBVSK của người dân xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

## 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

### *2.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) là người dân xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội (nay là xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội).

Tiêu chuẩn lựa chọn: người ≥18 tuổi, có hộ khẩu tại xã từ 1 năm trở lên, đang sinh sống và làm việc tại xã Phụng Thượng, có đủ khả năng trả lời phỏng vấn hoặc điền được phiếu khảo sát, tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Người đang ốm, bệnh, không có mặt tại nơi cư trú.

Cỡ mẫu: áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho một tỷ lệ với sai số tuyệt đối.

$$n=\frac{Z^2_{1-\frac{\alpha}{2}}P(1-P)}{d^2}$$

n: Cỡ mẫu nghiên cứu.

Z: Hệ số tin cậy, với độ tin cậy α= 95%, ta có: $Z_{1-\frac{\alpha}{2}}$= 1,96

p=0,5 để lấy được cỡ mẫu lớn nhất.

d: sai số ước lượng, chọn d=0,07.

Vậy cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu là 196 người. Thực tế có 197 người tham gia nghiên cứu.

### *2.2. Phương pháp nghiên cứu*

Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang, với phương pháp chọn mẫu thuận tiện được áp dụng. Có 01 điều tra viên là Sinh viên ngành Dược học năm thứ 5, có kỹ năng giao tiếp cộng đồng, được đào tạo về phương pháp thu thập số liệu. Có 01 giám sát viên phối hợp cùng điều tra viên *để thu thập số liệu bằng biểu mẫu trực tuyến (google form).* Với một số ĐTNC lớn tuổi hoặc không biết sử dụng điện thoại thông minh, mẫu phiếu in được sử dụng. Kết quả thu được 197 phiếu *bao gồm online và bản in.*

Thời gian thu thập số liệu từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022.

### *2.3. Bộ công cụ và tiêu chuẩn đánh giá*

Thang đánh giá thái độ được xây dựng dựa trên thang đo có 27 câu do Nina Urala và cộng sự sử dụng trong nghiên cứu sự thay đổi thái độ đối với TPBVSK của người Phần Lan [10]. Thang đo bao gồm 4 thành phần: lợi ích từ việc sử dụng TPBVSK, sự cần thiết của TPBVSK, niềm tin vào TPBVSK và tính an toàn của TPBVSK. Thái độ của người dân được đánh giá bằng thang điểm likert 7 mức độ, trong đó 1 là hoàn toàn không đồng ý và 7 là hoàn toàn đồng ý. Kết quả được chia làm 3 mức độ: không đồng tình (điểm 1-3), trung lập (điểm 4) và đồng tình (điểm 5-7). Thái độ chung được đánh giá dựa trên toàn bộ 27 câu hỏi của 4 thành phần: đồng tình (đồng tình ≥18 câu), không đồng tình và phân vân (đồng tình <18 câu).

### *2.4. Xử lý số liệu*

Số liệu được nhập bằng phần mềm Microsoft Excel và phân tích bằng phần mềm STATA 16.0. Thống kê mô tả bằng tần số và tỷ lệ được sử dụng trong nghiên cứu.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### *3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu*

Nghiên cứu được thực hiện trên 197 người. Đối tượng tham gia nghiên cứu có độ tuổi trung bình là 33,8 ± 10,8 (18 – 68) trong đó nữ giới chiếm 54,3%, nam giới chiếm 45,7%. ĐTNC chủ yếu là chưa kết hôn (44,7%) và đang sống cùng vợ/ chồng/ người yêu (49,7%), có trình độ từ cao đẳng/trung cấp trở lên chiếm 71,1%, có nghề nghiệp tự do/ buôn bán/ khác chiếm 89,8%. ĐTNC có thái độ quan tâm tới sức khỏe chiếm 55,3%. Đặc điểm gia đình ĐTNC có ít nhất 1 trong 3 đối tượng đặc biệt (trẻ nhỏ <12 tuổi, người bị bệnh, người cao tuổi) chiếm 72,1% và đa số có thu nhập từ 1 triệu – 8 triệu đồng (84,3%).

### *3.2. Thực trạng về thái độ tiêu dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe*

Khi khảo sát về lợi ích từ việc sử dụng TPBVSK, 50,3 – 64,5% số người dân được khaỏ sát trung lập với các ý kiến. 14,7 – 21,8% không đồng tình với các ý kiến rằng TPBVSK có thể mang lại cho họ niềm vui, cải thiện hiệu suất, phòng bệnh, bổ sung dinh dưỡng hay chăm sóc sức khỏe. Ngược lại, 19,2 – 33,5% đồng tình với điều đó.

Bảng 1. Lợi ích từ việc sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe

| Nội dung \ Thái độ | Không đồng tình | | Trung lập | | Đồng tình | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | n | % | n | % | n | % |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp cải thiện tâm trạng của tôi. | 34 | 17,3 | 125 | 63,5 | 38 | 19,2 |
| Hiệu suất của tôi được cải thiện khi tôi dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 29 | 14,7 | 127 | 64,5 | 41 | 20,8 |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp tôi thực hiện một lối sống lành mạnh dễ dàng hơn. | 32 | 16,2 | 114 | 57,9 | 51 | 25,9 |
| Tôi có thể phòng bệnh bằng cách dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe thường xuyên. | 41 | 20,8 | 100 | 50,8 | 56 | 28,4 |
| Dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe là một cách để tôi có thể chăm sóc sức khoẻ. | 33 | 16,8 | 99 | 50,3 | 65 | 32,9 |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe mang lại cho tôi niềm vui. | 43 | 21,8 | 115 | 58,4 | 39 | 19,8 |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe có thể bổ sung dinh dưỡng khi dinh dưỡng từ các bữa ăn không đầy đủ. | 22 | 11,2 | 109 | 55,3 | 66 | 33,5 |
| Tôi sẵn sàng chấp nhận cả mùi vị khó chịu nếu sản phẩm thực sự mang lại lợi ích. | 53 | 26,9 | 103 | 52,3 | 41 | 20,8 |
| Tôi chủ động tìm hiểu thông tin về thực phẩm bảo vệ sức khỏe. | 51 | 25,9 | 107 | 54,3 | 39 | 19,8 |

Theo Bảng 2, có 77 người (39,1%) đồng tình với ý kiến TPBVSK là hoàn toàn cần thiết, ngược lại 11 người (5,6%) cho rằng TPBVSK là không cần thiết, còn lại 109 người (55,3%) trung lập với ý kiến này. Có 36% người dùng tin rằng TPBVSK thực sự mang lại tác dụng, 6,2% không tin và 57,8% trung lập.

Có 116 người (58,9%) đồng tình với ý kiến TPBVSK hầu hết được tiêu thụ bởi người có nhu cầu, 19 người (9,6%) không đồng tình và 62 người (31,5%) trung lập.

Ý kiến "nếu một sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe không có ảnh hưởng xấu nào đó tới cơ thể thì việc sử dụng nó mới thật sự có ý nghĩa" được 24,4% người đồng tình, 25,3% người trung lập và 50.3% không đồng tình.

Bảng 2. Sự cần thiết của thực phẩm bảo vệ sức khỏe

| Nội dung \ Thái độ | Không đồng tình | | Trung lập | | Đồng tình | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | n | % | n | % | n | % |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe là hoàn toàn cần thiết. | 11 | 5,6 | 109 | 55,3 | 77 | 39,1 |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe thực sự mang lại tác dụng cho người tiêu dùng. | 12 | 6,2 | 114 | 57,8 | 71 | 36,0 |
| Ngày càng nhiều thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên thị trường nhưng người tiêu dùng vẫn lựa chọn được sản phẩm phù hợp. | 78 | 39,7 | 75 | 38 | 44 | 22,3 |
| Đối với một người khoẻ mạnh, việc sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe vẫn có ích. | 74 | 37,6 | 54 | 27,4 | 69 | 35,0 |
| Các công nghệ hiện đại ngày nay giúp ích rất nhiều trong việc phát triển các thực phẩm bảo vệ sức khỏe | 39 | 19,8 | 92 | 46,7 | 66 | 33,5 |
| Tôi dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe như một sản phẩm hỗ trợ điều trị. | 45 | 22,9 | 105 | 53,3 | 47 | 23,8 |
| Những sản phẩm thực phẩm có vị ngon chắc chắn mang lại tác dụng. | 56 | 28,3 | 100 | 50,7 | 41 | 21,0 |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hầu hết được tiêu thụ bởi những người có nhu cầu. | 19 | 9,6 | 62 | 31,5 | 116 | 58,9 |
| Nếu một sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe không có ảnh hưởng xấu nào đó tới cơ thể thì việc sử dụng nó mới thật sự có ý nghĩa. | 99 | 50,3 | 50 | 25,3 | 48 | 24,4 |

Kết quả Bảng 3 cho thấy ở khảo sát về niềm tin đối với TPBVSK, phần lớn người dân có thái độ trung lập (từ 60 – 66,5%). Số còn lại nghiêng về không đồng tình nhiều hơn: ~20% không đồng tình, chỉ có 13,2 – 16,7% thực sự tin tưởng vào giá trị mà TPBVSK mang lại.

Bảng 3. Niềm tin vào thực phẩm bảo vệ sức khỏe

| Nội dung \ Thái độ | Không đồng tình | | Trung lập | | Đồng tình | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | n | % | n | % | n | % |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe giúp tôi cảm thấy hạnh phúc hơn. | 40 | 20,3 | 131 | 66,5 | 26 | 13,2 |
| Tính an toàn của thực phẩm bảo vệ sức khỏe đã được nghiên cứu rất kỹ lưỡng. | 42 | 21,3 | 126 | 64 | 29 | 14,7 |
| Tôi tin rằng thực phẩm bảo vệ sức khỏe sẽ mang lại tác dụng như hứa hẹn. | 40 | 20,3 | 128 | 65 | 29 | 14,7 |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe là sản phẩm hàng đầu dựa trên cơ sở khoa học. | 46 | 23,3 | 118 | 60 | 33 | 16,7 |

Có tới 108 người (55,3%) không đồng tình với ý kiến sử dụng quá liều lượng TPBVSK mà vẫn không gây hại, 35% trung lập và 9,7% đồng tình. Với ý kiến "sử dụng TPBVSK là hoàn toàn an toàn" có 38,6% đồng tình, 44,7% trung lập và 16,8% không đồng tình. Còn các ý kiến về TPBVSK không gây hại cho người khỏe mạnh, sử dụng TPBVSK không mang theo rủi ro, tác dụng thực tế của TPBVSK thì phần lớn người dân ở mức trung lập (trên 50%).

Bảng 4. Thái độ về sự an toàn của thực phẩm bảo vệ sức khỏe

| Thái độ / Nội dung | Không đồng tình | | Trung lập | | Đồng tình | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | n | % | n | % | n | % |
| Sử dụng quá liều lượng thực phẩm bảo vệ sức khỏe không gây hại | 108 | 55,3 | 69 | 35,0 | 20 | 9,7 |
| Thực phẩm bảo vệ sức khỏe không gây hại cho người khoẻ mạnh | 55 | 27,9 | 108 | 54,8 | 34 | 17,3 |
| Sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe hoàn toàn an toàn | 33 | 16,8 | 88 | 44,7 | 76 | 38,6 |
| Đặc tính mới của thực phẩm bảo vệ sức khỏe không mang theo rủi ro | 62 | 31,5 | 109 | 55,3 | 26 | 13,2 |
| Tác dụng của thực phẩm bảo vệ sức khỏe giống với tác dụng thực tế khi sử dụng | 46 | 23,4 | 111 | 56,3 | 40 | 20,3 |

## 4. Bàn luận

Thái độ của người dân đối với TPBVSK là một yếu tố quan trọng, phản ánh nhận thức và niềm tin vào giá trị của sản phẩm, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi tiêu dùng. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả thực trạng thái độ của người dân xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đối với TPBVSK. Kết quả cho thấy có từ 19,2% đến 33,5% người đồng tình với lợi ích của TPBVSK; 21,0% đến 58,9% đồng tình với sự cần thiết của sản phẩm; 13,2% đến 16,7% bày tỏ niềm tin vào giá trị của TPBVSK; và 9,7% đến 20,3% đánh giá tích cực về tính an toàn. Những phát hiện này cho thấy, mặc dù có sự quan tâm nhất định, nhưng thái độ chung của người dân đối với TPBVSK vẫn còn thận trọng, đặc biệt ở khía cạnh niềm tin và an toàn, gợi ý nhu cầu cần có các nghiên cứu sâu hơn cũng như các chiến lược truyền thông sức khỏe phù hợp.

### *4.1. Lợi ích từ việc sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe*

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy động cơ chính của người dân khi sử dụng TPBVSK là những lợi ích liên quan đến sức khỏe. Điều này phù hợp với nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước. Ví dụ, trong một nghiên cứu tại tỉnh Vĩnh Long (Việt Nam) cho thấy, người dân xem TPBVSK là "một trong những phương pháp hữu hiệu để bảo vệ và cải thiện sức khỏe" [11]. Tương tự, khảo sát tại Pháp của Bailey và cộng sự cũng cho thấy mục đích hàng đầu trong sử dụng thực phẩm bổ sung là "cải thiện và duy trì sức khỏe" [12]. Trên bình diện toàn cầu, mối quan tâm tới hỗ trợ miễn dịch đang tăng cao sau đại dịch COVID-19. Trong một nghiên cứu ở Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy nhóm sử dụng TPBVSK để "duy trì sức khỏe" trong đại dịch, bao gồm bổ sung vi chất và vitamin được cho là hỗ trợ sức đề kháng cơ thể trong bối cảnh dịch bệnh lan rộng [13]. Điều này phản ánh xu hướng ưu tiên dự phòng bệnh tật – giống như các phân tích lớn trên dữ liệu mạng xã hội tại Hàn Quốc cho thấy sau COVID-19, "mạng lưới quan tâm của người tiêu dùng đã chuyển sang phòng chống và điều trị bệnh" [14]. Kết hợp với khảo sát tại Lebanon (R. Chammas et al.) – nơi người dùng chọn TPBVSK chủ yếu vì lợi ích ngoài dinh dưỡng cơ bản – cho thấy mô hình động cơ tiêu dùng TPBVSK có tính phổ quát giữa các nền văn hóa [12, 14, 15]. Như vậy, dù văn hoá hay kinh tế khác nhau, cả ở Việt Nam và quốc tế động lực cốt lõi vẫn là duy trì hoặc cải thiện sức khỏe, còn sự khác biệt về mức độ đồng ý sử dụng có thể do niềm tin và trải nghiệm thực tế của người tiêu dùng.

### *4.2. Sự cần thiết của thực phẩm bảo vệ sức khỏe*

Đại dịch COVID-19 đã thay đổi đáng kể nhận thức về sức khỏe và thói quen sử dụng các

sản phẩm bổ sung dinh dưỡng trên toàn cầu. Các nghiên cứu dịch tễ học cho thấy trong bối cảnh thiếu biện pháp điều trị đặc hiệu và mối lo ngại về rủi ro sức khỏe, nhiều người tiêu dùng đã chuyển sang dùng TPBVSK với mục tiêu tăng cường hệ miễn dịch và bảo vệ sức khỏe tổng thể trong thời gian đại dịch. Một đánh giá hệ thống tổng hợp 14 nghiên cứu quốc tế ghi nhận rằng lý do phổ biến nhất cho việc sử dụng thực phẩm bổ sung trong giai đoạn đầu đại dịch là để "tăng cường hệ miễn dịch và phòng ngừa COVID-19" với tần suất các chất như vitamin C, D và kẽm được báo cáo rộng rãi ở nhiều quốc gia khác nhau [16]. Tuy vậy, các nghiên cứu hành vi cho thấy việc sử dụng TPBVSK thường mang tính tình huống và phụ thuộc vào nhu cầu cụ thể của cá nhân hơn là nhu cầu duy trì lâu dài. Kết quả của nghiên cứu cho thấy có đến 58,9% người dân chỉ sử dụng TPBVSK khi cần thiết, cho thấy việc tiêu dùng sản phẩm này có điều kiện hơn là một thói quen thường xuyên. Điều này phù hợp với các nghiên cứu quốc tế về hành vi sử dụng bổ sung dinh dưỡng trong COVID-19, trong đó phần lớn người dùng chỉ sử dụng trong thời gian ngắn hoặc khi cảm nhận được rủi ro sức khỏe thực tế, như cảm thấy mệt mỏi hoặc lo ngại về nguy cơ nhiễm bệnh, hơn là xem đây là biện pháp cần thiết lâu dài [13, 17].

Mặt khác, đại dịch cũng làm phơi bày sự mâu thuẫn trong thông tin truyền thông, khi quảng cáo thổi phồng tác dụng của TPBVSK hoặc thông tin chưa được kiểm chứng lan truyền rộng rãi trên mạng xã hội và các kênh truyền thông đại chúng. Điều này dẫn đến tâm lý không chắc chắn trong cộng đồng và góp phần tạo ra thái độ trung lập hoặc dè dặt về tính cần thiết của sản phẩm. Vì vậy, dù người tiêu dùng có xu hướng gia tăng sử dụng trong bối cảnh đại dịch, đa số vẫn chỉ xem TPBVSK là lựa chọn khi có nhu cầu hoặc theo khuyến nghị, thay vì coi đây là một yếu tố thiết yếu trong chăm sóc sức khỏe thường xuyên.

Mặc dù đại dịch COVID-19 đã thúc đẩy nhận thức về sức khỏe và tăng mức độ sử dụng TPBVSK trong giai đoạn nhất định, việc xem TPBVSK là "cần thiết" lâu dài vẫn còn phân hóa do thiếu bằng chứng khoa học đầy đủ cũng như sự ảnh hưởng của thông tin không chính thống. Giải pháp cần thiết là tăng cường truyền thông y tế chính thống và các nghiên cứu lâm sàng chất lượng, nhằm giúp người tiêu dùng đánh giá đúng vai trò và giới hạn của TPBVSK trong chăm sóc sức khỏe cá nhân.

*4.3. Niềm tin vào thực phẩm bảo vệ sức khỏe*

Kết quả khảo sát cho thấy niềm tin của người dân đối với hiệu quả và độ an toàn của TPBVSK còn hạn chế, thể hiện qua tỷ lệ đồng tình chỉ khoảng 14,7%, trong khi phần lớn người được hỏi (60–66,5%) giữ thái độ trung lập. Điều này phản ánh thực tế rằng người dân chưa có đủ bằng chứng khoa học hoặc trải nghiệm cá nhân đáng tin cậy để khẳng định giá trị của TPBVSK. Xu hướng này không chỉ xuất hiện tại Việt Nam mà còn được ghi nhận trên phạm vi toàn cầu. Các nghiên cứu khảo sát hành vi người tiêu dùng tại nhiều quốc gia cho thấy mặc dù tỷ lệ sử dụng thực phẩm bổ sung khá cao, mức độ tin tưởng vào lợi ích sức khỏe thực sự của các sản phẩm này lại không tương xứng, cho thấy tồn tại một "khoảng cách niềm tin" giữa hành vi sử dụng và niềm tin dựa trên bằng chứng khoa học [18].

Một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự dè dặt trong niềm tin là môi trường thông tin thiếu kiểm soát trên các nền tảng truyền thông số. Đã có nghiên cứu chỉ ra rằng mạng xã hội như Facebook, YouTube và các nền tảng trực tuyến khác đã góp phần lan truyền nhanh chóng các thông tin chưa được kiểm chứng về công dụng của TPBVSK, trong đó các trải nghiệm cá nhân, lời chứng thực cảm tính hoặc nội dung quảng cáo trá hình thường được người tiêu dùng tiếp nhận và tin tưởng hơn so với bằng chứng khoa học chính thống [19].

Bên cạnh đó, các tổng quan hệ thống và nghiên cứu quan sát cho thấy việc quảng cáo thổi phồng công dụng TPBVSK là phổ biến, đặc biệt khi các sản phẩm này được gắn với các tuyên bố tăng cường miễn dịch hoặc phòng ngừa bệnh mà chưa có đủ bằng chứng lâm sàng thuyết phục [20]. Khi kỳ vọng do quảng cáo tạo ra không phù hợp với hiệu quả thực tế, niềm tin của người tiêu dùng dễ bị suy giảm, dẫn đến thái độ thận trọng hoặc trung lập. Thực trạng này cũng được ghi nhận tại Việt Nam, nơi cơ quan quản lý y tế nhiều

lần cảnh báo về các quảng cáo sai lệch liên quan đến TPBVSK, góp phần làm gia tăng tâm lý hoài nghi trong cộng đồng.

Do niềm tin chưa được xây dựng trên nền tảng bằng chứng y học vững chắc, đa số người dân chỉ duy trì mức độ tin tưởng vừa phải và có xu hướng sử dụng TPBVSK một cách dè dặt, thay vì coi đây là giải pháp chăm sóc sức khỏe lâu dài. Kết quả này cho thấy vai trò quan trọng của các kênh thông tin chính thống, trong đó sự tham gia tích cực của cơ quan y tế, bác sĩ, dược sĩ và chuyên gia dinh dưỡng là cần thiết để cung cấp thông tin khoa học khách quan, minh bạch và dễ tiếp cận. Việc tăng cường truyền thông dựa trên bằng chứng không chỉ giúp người dân phân biệt rõ giữa quảng cáo thương mại và thông tin khoa học, mà còn góp phần củng cố niềm tin hợp lý và bền vững đối với TPBVSK, hướng tới hành vi tiêu dùng an toàn và có trách nhiệm hơn.

*4.4. An toàn của thực phẩm bảo vệ sức khỏe*

Nhận thức của người dân về tính an toàn của TPBVSK hiện còn rất mơ hồ. Chỉ 38,6% khảo sát cho rằng TPBVSK hoàn toàn an toàn, trong khi hơn 60% không khẳng định được vấn đề này. Đáng chú ý, 49,4% người Việt Nam trong một nghiên cứu ở Bình Dương cho rằng TPBVSK "không có tác dụng phụ" phản ánh tâm lý xem nhẹ nguy cơ từ thực phẩm này [11]. Tuy nhiên, bằng chứng lâm sàng cảnh báo ngược lại. Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy thảo dược và TPBVSK đóng góp khoảng 20% các trường hợp tổn thương gan do thuốc (DILI) [21]. Nhiều sản phẩm bị pha tạp hoặc chứa các hoạt chất không công bố, tiềm ẩn nguy cơ xấu cho người dùng. Sự nhầm tưởng rằng "dùng quá liều TPBVSK không sao" là rất nguy hiểm; trong khảo sát này có đến 44,7% người đồng ý hoặc có ý kiến trung lập về sử dụng quá liều "không gây hại", nhưng thực tế việc lạm dụng bất kỳ chất dinh dưỡng nào cũng có thể có tác dụng phụ. Để tránh hiểu lầm, cần tăng cường giáo dục cộng đồng về nguyên tắc "dùng đúng liều, đúng đối tượng" khi sử dụng TPBVSK. Ví dụ, các chương trình truyền thông và hội thảo sức khỏe cần nhấn mạnh rằng: TPBVSK dù hữu ích nhưng không thay thế thuốc chữa bệnh, cần hỏi ý kiến bác sĩ và tuân thủ hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn [11, 21].

## 5. Kết luận

Nghiên cứu đã phản ánh thực trạng thái độ của người dân xã Phụng Thượng đối với việc tiêu dùng TPBVSK: có 19,2%–33,5% người đồng thuận với lợi ích của TPBVSK; 21,0%–58,9% đồng thuận với sự cần thiết; 13,2%–16,7% bày tỏ niềm tin vào giá trị; và 9,7%–20,3% có thái độ đồng thuận về tính an toàn của TPBVSK. Những kết quả này cung cấp cơ sở quan trọng cho việc định hướng truyền thông, quản lý và sử dụng TPBVSK một cách hợp lý, an toàn và hiệu quả trong cộng đồng.

## Tài liệu tham khảo

[1] O. Djaoudene, A. Romano, Y. D. Bradai et al., A Global Overview of Dietary Supplements: Regulation, Market Trends, Usage during the COVID-19 Pandemic, and Health Effects Nutrients, Vol. 15, 2023, pp. 3320, https://doi.org/10.3390/nu15153320.

[2] H. B. Jadhav, S. Sablani, P. Gogate et al., Factors Governing Consumers Buying Behavior Concerning Nutraceutical Product Food Sci Nutr, Vol. 11, 2023, pp. 4988-5003, https://doi.org/10.1002/fsn3.3518.

[3] FoodSafetyDepartment-MinistryofHealth., Annual Report on Health Food Management, Hanoi, 2022 (in Vietnamese).

[4] T. Bayır, S. Cam, M. F. Tuna, Does Knowledge and Concern Regarding Food Supplement Safety Affect the Behavioral Intention of Consumers? Frontiers in Nutrition, Vol. 10-2023, 2024, pp. 01-13, https://doi.org/10.3389/fnut.2023.1305964.

[5] D. A. Doan, N. H. Vu, P. L. Nguyen et al., Purchasing Medicines and Functional Foods on the Internet: a Cross-Sectional Study Investigating the Knowledge, Attitudes, and Experience of Vietnamese People in 2023 BMC Public Health, Vol. 24, 2024, pp. 2619, https://doi.org/10.1186/s12889-024-20103-w.

[6] T. Q. Thinh, H. T. Lam et al., Assessing Consumers' Attitudes, Behaviors, and Related Factors towards Functional Foods in Can Tho City in 2022-2023 Can Tho Medical and

Pharmaceutical Journal, Vol. 62, 2023, pp. 91-97, https://doi.org/10.58490/ctump.2023i62.433.

[7] N. T. T. Suong, T. T. Khanh et al., Analyzing Consumers' Functional Food Purchasing Behavior in Ho Chi Minh City Vietnam Medical Journal, Vol. 502, No. 01, 2021, pp. 196-202 (in Vietnamese).

[8] M. T. Ha, G. D. Nguyen, T. H. T. Nguyen et al., The Use of Dietary Supplements and Vitamin Consumption During and after the Covid Pandemic in Vietnam: a Perspective of User-generated Content Humanities and Social Sciences Communications, Vol. 10, 2023, pp. 854, https://doi.org/10.1057/s41599-023-02340-3.

[9] D. A. Doan, N. H. Vu, P. L. Nguyen et al., Vietnamese People's Behavior and Future Intention to Purchase Medicines and Functional Foods on The Internet: a Cross-sectional Study Scientific Reports, Vol. 14, 2024, pp. 24267, https://doi.org/10.1038/s41598-024-75029-5.

[10] L. L. Nina Urala, Consumers' Changing Attitudes Towards Functional Foods Food Quality and Preference, Vol. 18, 2007, pp. 1-12, https://doi.org/10.1016/j.foodqual.2005.06.007.

[11] L. M. Hung, Assessing of Knowledge and Factors Related to Consumers of Health Foods in Vinh Long Province over the Period of 2022-2023 Vietnamese Medical Journal, Vol. 528, No. 2, 2023, pp. 381-386 (in Vietnamese).

[12] J. G. R. Janzik, P. Müller,et al., Exploring Motivations, Information Behavior, Perceptions, and Intentions among Dietary Supplement Users: a Cross-sectional Survey Study in Germany Frontiers in Nutrition, Vol. 12, 2025, pp. 1-14, https://doi.org/10.3389/fnut.2025.1663562.

[13] C. Ayer, A. G. S. Celep, Assessment of Dietary Habits and Use of Nutritional Supplements in COVID-19: A Cross-sectional Study PharmaNutrition, Vol. 22, 2022, pp. 100309, https://doi.org/10.1016/j.phanu.2022.100309.

[14] H. S. J. E. Lee, J. A. Jang, Consumers' Perceptions of Dietary Supplements before and after the COVID-19 Pandemic Based on Big Data, Journal of Nutrition and Health, Vol. 56, No. 3, 2023, pp. 330-347, https://doi.org/10.4163/jnh.2023.56.3.330.

[15] R. Chammas, J. E. Hayek, M. Fatayri et al., Consumer Knowledge and Attitudes toward Functional Foods in Lebanon Nutrition & Food Science, Vol. 49, 2019, pp. 762-776, https://doi.org/10.1108/NFS-09-2018-0263.

[16] I. Arora, S. White, R. Mathews, Global Dietary and Herbal Supplement Use during COVID-19-A Scoping Review Nutrients, Vol. 15, 2023, pp. 771, https://doi.org/10.3390/nu15030771.

[17] J. Patel, O. O. Oluwafemi, M. D. Politis, W. N. Nembhard, The Association Between Dietary Supplement Use and COVID-19 Symptoms J Diet Suppl, Vol. 22, 2025, pp. 262-273, https://doi.org/10.1080/19390211.2025.2450457.

[18] R. L. Bailey, J. J. Gahche, P. E. Miller, P. R. Thomas, J. T. Dwyer, Why US Adults Use Dietary Supplements JAMA Intern Med, Vol. 173, 2013, pp. 355-361, https://doi.org/10.1001/jamainternmed.2013.2299.

[19] M. Cinelli, W. Quattrociocchi, A. Galeazzi, C. M. Valensise, E. Brugnoli, A. L. Schmidt et al., The COVID-19 Social Media Infodemic Sci Rep, Vol. 10, 2020, pp. 16598, https://doi.org/10.1038/s41598-020-73510-5.

[20] J. Hamulka, M. J. Bielak, M. Górnicka, M. E. Drywień, M. A. Z. Pukos, Dietary Supplements during COVID-19 Outbreak. Results of Google Trends Analysis Supported by PLifeCOVID-19 Online Studies Nutrients, Vol. 13, 2020, pp. 54, https://doi.org/10.3390/nu13010054.

[21] H. T. B. Chau, D. P. Vinh, T. T. Long, T. T. A. Thu, T. N. Tham, V. M. Do et al., Ethical Failures in the Digital Age: Social Media's Role in Vietnam's Herbal and Dietary Supplement Crisis Hosp Pharm, 2025, pp. 1-3, https://doi.org/10.1177/00185787251372036.